

Bản án số: 145/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-12-2021

*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Tuyết Trinh  
Ông Đỗ Văn Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXX-ST ngày 15/11/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Mạc Thị L, sinh ngày: 14/4/1990 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thành phố M, tỉnh F, Nhật Bản

Chị Mạc Thị L ủy quyền cho chị Vũ Thị C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đồ, thành phố C, tỉnh Hải Dương nhận và nộp các văn bản tố tụng của Tòa án thay cho chị (văn bản ủy quyền ngày 14/9/2021 có xác nhận của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại F, Nhật Bản).

**2. Bị đơn:** Anh Đồng Văn H, sinh ngày: 08/12/1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai (đơn có xác nhận của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại F, Nhật Bản ngày 14/9/2021), nguyên đơn chị Mạc Thị L trình bày:*

Trước khi kết hôn hai anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Hai vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 22/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L nơi anh H đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh H làm dâu ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận. Sau một thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn, hai vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng hai vợ chồng đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Năm 2019 chị đi lao động tại Nhật Bản. Sau khi đi lao động chị không liên lạc với anh H nữa, không ai quan tâm đến ai, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Đồng Văn H.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh H không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Đồng Văn H là bị đơn trình bày:* Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Hai vợ chồng đăng ký kết hôn ngày 22/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L nơi anh đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị L về nhà anh làm dâu ngay. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Khoảng tháng 5/2019 chị L đi lao động tại Nhật Bản. Sau khi chị L đi lao động nước ngoài hai vợ chồng vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm nhưng đến tháng 12/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn anh nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh và chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 12 năm 2019 đến nay anh và chị L không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị L có đơn đề nghị Tòa án xử cho chị L được ly hôn với anh, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Chị Mạc Thị L và anh Đồng Văn H đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Mạc Thị L, anh Đồng Văn H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vụ án này Tòa án không thu thập chứng cứ. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện viên kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Mạc Thị L là nguyên đơn, anh Đồng Văn H là bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 277, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh H.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Mạc Thị L là nguyên đơn đang lao động tại Nhật Bản khởi kiện xin ly hôn anh Đồng Văn H (Đơn có xác nhận của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại F, Nhật Bản ngày 14/9/2021), anh Đồng Văn H là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình cụ thể là về việc ly hôn giữa chị L, anh H và có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị L và anh Đồng Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh H, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Chị L, anh H đều xác định vợ chồng đã ly thân nhau năm 2019 đến nay. Hai bên vợ chồng đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không mong muốn chung sống cùng nhau nữa. Chị L, anh H đều thống nhất ly hôn. Như vậy vợ chồng chị L, anh H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L đối với anh H, xử cho chị L và anh H được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về con chung: Chị L, anh H đều trình bày không có con chung. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung, công nợ: Chị L, anh H đều trình bày không có tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Mạc Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1.** Về hôn nhân: Chị Mạc Thị L được ly hôn anh Đồng Văn H.

**2.** Về án phí: Chị Mạc Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000145 ngày 26/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**3.** Về quyền kháng cáo bản án: Anh Đồng Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Chị Mạc Thị L hiện đang cư trú tại nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã N, huyện L;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Thị Thu Hiền**







